

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ chỉ số và Tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng năm 2022

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 31/01/2023 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 443/TTr-TTTP ngày 16/5/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số và Tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng năm 2022.

**Điều 2.** Đối tượng đánh giá bao gồm:

1. UBND các quận, huyện: Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn và huyện Hòa Vang.

2. Các sở, ban, ngành: Ban Quản lý An toàn thực phẩm Đà Nẵng, Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Công Thương, Sở Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Thanh tra thành phố, Văn phòng UBND thành phố.

3. Các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố: Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, Đài Phát thanh - Truyền hình, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và Phát triển đô thị, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Ban Quản lý các dự án phát triển hạ tầng Khu công nghiệp và Công nghệ cao, Quỹ đầu tư phát triển, Trường Cao đẳng Nghề, Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố ban hành Bộ chỉ số và Tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện thành phố Đà Nẵng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *hmo*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ban Nội chính Thành ủy;
- Ban Pháp chế HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT: UBND thành phố;
- Lưu: VT, NC.

2015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Trung Chính

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ  
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CÁC SỞ, BAN, NGÀNH,  
UBND CÁC QUẬN, HUYỆN VÀ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÁC  
TRỰC THUỘC UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023  
của UBND thành phố Đà Nẵng)

| NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                                | ĐIỂM       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>TỔNG ĐIỂM CÁC PHẦN (A) + (B) + (C) + (D)</b>                                                                                                                                                                                           | <b>100</b> |
| <b>A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>                                                                                                                                                     | <b>25</b>  |
| A.1 Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN                                                                                                                                        | 5          |
| A.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN                                                                                                                                                          | 5          |
| A.3 Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN                                                                                                                                                                 | 5          |
| A.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN                                                                                                                                                         | 5          |
| A.5 Việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng | 3          |
| A.6 Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về phòng, chống tham nhũng theo quy định tại Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 25/6/2021                                                                                                             | 2          |
| <b>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>                                                                                                                                                            | <b>40</b>  |
| B.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018                                                                                                                                                   | 5          |
| B.2 Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                        | 4          |
| B.3 Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                                                                                                                                                      | 5          |

|                                                                                                                                                                                                                         |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| B.4 Kết quả thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà                                                                                                                                                                  | 2         |
| B.5 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích                                                                                                                                                                                  | 5         |
| B.6 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức                                                                                                                                            | 5         |
| B.7 Kết quả thực hiện cải cách hành chính                                                                                                                                                                               | 2         |
| B.8 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                 | 6         |
| B.9 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10) | 6         |
| <b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>                                                                                                                                                          | <b>30</b> |
| <b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>                                                                                                                                                                            | <b>12</b> |
| C.1.1 Công tác kiểm tra, tự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan, đơn vị, tổ chức                                                                                                                                      | 4         |
| C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, tự kiểm tra và thanh tra                                                                                                                                       | 4         |
| C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo                                                                                                                                                         | 4         |
| <b>C.2 Việc xử lý tham nhũng</b>                                                                                                                                                                                        | <b>10</b> |
| C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân                                                                                                                                                                    | 4         |
| C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng                                                                                                                                                                 | 3         |
| C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng                                                                        | 3         |
| <b>C.3 Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN</b>                                                                                                                                                | <b>8</b>  |
| C.3.1 Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 81 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                        | 1         |
| C.3.2 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                                                                | 1         |
| C.3.3 Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                           | 1         |

|                                                                                                                                                           |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| C.3.4 Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                              | 1        |
| C.3.5 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác                                                                                        | 1        |
| C.3.6 Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                  | 1        |
| C.3.7 Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21- Nghị định 130/2020/NĐ-CP) | 2        |
| <b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG</b>                                                                                               | <b>5</b> |
| <b>D.1 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh</b>                           | <b>3</b> |
| <b>D.2 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án</b>                                                   | <b>2</b> |

**Ghi chú:**

1. Thang điểm đánh giá:

- Nhóm 1: Sở, Ban, ngành: 100 điểm;
- Nhóm 2: UBND quận, huyện: 100 điểm;
- Nhóm 3: Các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố: 92 điểm.

2. Không làm tròn số điểm và lấy 2 số thập phân.

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**  
**ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CÁC SỞ, BAN,**  
**NGÀNH, UBND CÁC QUẬN, HUYỆN VÀ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÁC**  
**TRỰC THUỘC UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Để triển khai thực hiện việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) đối với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố; trên cơ sở Bộ chỉ số, UBND thành phố hướng dẫn như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI, NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

**1. Mục đích**

- Đánh giá đúng, khách quan nỗ lực của các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố trong công tác PCTN.
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp trong việc thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa; phát hiện và xử lý tham nhũng.

**2. Phạm vi**

- Phạm vi đánh giá là công tác PCTN các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố bao gồm: Đánh giá công tác quản lý nhà nước về PCTN và kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

- Thời kỳ đánh giá: từ ngày 16/12/2021 đến 15/12/2022.

**3. Nội dung tiêu chí đánh giá**

Đánh giá công tác PCTN các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố gồm 4 nội dung như sau:

- *Phần A:* Đánh giá việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN.
- *Phần B:* Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.
- *Phần C:* Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng.
- *Phần D:* Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng.

**3.1 Phần A. Tiêu chí đánh giá việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN, bao gồm:**

Đánh giá việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện:

- Công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN.

- Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.
- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.
- Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.
- Tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.
- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về phòng, chống tham nhũng theo quy định tại Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 25/6/2021.

**3.2 Phần B. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, bao gồm:**

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018.
- Kết quả thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.
- Kết quả việc thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà tặng
- Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích.
- Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức.
- Kết quả cải cách hành chính.
- Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập.
- Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

**3.3 Phần C. Tiêu chí đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng, bao gồm:**

- Việc phát hiện hành vi tham nhũng.
- Việc xử lý tham nhũng.
- Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.

**3.4 Phần D. Tiêu chí đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng, bao gồm:**

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh;
- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

## **II. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ**

### **1. Nguyên tắc đánh giá**

Việc đánh giá khách quan, toàn diện, trung thực, công khai, minh bạch; căn cứ vào Bộ chỉ số và tài liệu chứng minh về công tác PCTN của các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện.

### **2. Phương pháp tổ chức đánh giá**

### **2.1 Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố tham gia đánh giá**

- Thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng, lập hồ sơ đánh giá.
- Báo cáo kết quả tự đánh giá theo đề cương hướng dẫn;
- Tự đánh giá bằng cách chấm điểm và xây dựng báo cáo đánh giá.
- Tổng hợp điểm tự đánh giá từng nội dung vào Phụ lục 1 - Bảng tổng hợp điểm tự đánh giá (kèm theo).
- Thuyết minh chi tiết kết quả tự đánh giá công tác PCTN của cơ quan, đơn vị trong năm 2022 theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 - Thuyết minh tự đánh giá công tác PCTN các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố (kèm theo).
- Tài liệu, số liệu minh chứng của từng cơ quan, đơn vị được thể hiện theo Phụ lục 3 - Danh mục tài liệu, số liệu minh chứng theo Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố (kèm theo).
- Gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá và các phụ lục kèm theo về UBND thành phố (*bản giấy qua Thanh tra thành phố và bản điện tử theo địa chỉ email pctn-tttp@danang.gov.vn; đối với tài liệu chứng minh (trừ văn bản mật) gửi bằng bản điện tử về địa chỉ email pctn-tttp@danang.gov.vn*).
- Phối hợp, giải trình, cung cấp tài liệu để làm rõ theo yêu cầu của Thanh tra thành phố trong quá trình thẩm tra.

### **2.2 Thanh tra thành phố**

- Ban hành văn bản triển khai việc đánh giá công tác PCTN các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố; xác định thời kỳ đánh giá, thời hạn nộp báo cáo và hồ sơ đánh giá của các đơn vị. Trường hợp cần thay đổi bộ chỉ số cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu của Thanh tra Chính phủ, kiến nghị, đề xuất UBND thành phố xem xét, quyết định.
- Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác đánh giá.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, làm rõ, thẩm tra Báo cáo đánh giá của các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố.
- Tổng hợp kết quả, tham mưu UBND thành phố công bố xếp hạng về công tác PCTN các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc UBND thành phố.

Số: /BC-.....

....., ngày...tháng...năm ....

**BÁO CÁO**

**Tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022**

Kính gửi: UBND thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Kế hoạch số .../KH-UBND ngày... tháng ... năm ... của UBND thành phố Đà Nẵng về công tác phòng, chống tham nhũng năm ..., Quyết định số .../QĐ-UBND ngày.../.../..... của UBND thành phố ban hành Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng; UBND quận (huyện), sở, ban, ngành ... báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương, đơn vị từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ..., cụ thể như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Phần này địa phương, đơn vị khái quát chung cần nêu rõ được phạm vi, quy mô và những đặc điểm nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương, đơn vị trong năm ... và những chủ trương lớn trong công tác phòng, chống tham nhũng (sau đây viết tắt là PCTN).

**II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN**

**1. Đánh giá việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN:**

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN.
- Việc thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.
- Việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.
- Việc thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN
- Việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị; đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng
- Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo về PCTN theo quy định tại Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 25/6/2021

**2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:**

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018.

- Kết quả thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.
- Kết quả việc thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà tặng
- Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích.
- Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức.
- Kết quả cải cách hành chính.
- Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập.
- Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

### **3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng:**

- Việc phát hiện hành vi tham nhũng.
- Việc xử lý tham nhũng.
- Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.

### **4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng:**

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh;
- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

### **5. Điểm tự đánh giá công tác PCTN năm 2022:**

Căn cứ Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn do UBND thành phố ban hành, UBND quận (huyện), sở, ban, ngành..... tự chấm điểm đạt:..... điểm. Hồ sơ tự đánh giá PCTN năm 2022 của UBND quận (huyện), sở, ban, ngành.....gồm: báo cáo tự đánh giá PCTN, các phụ lục 1,2,3 và các tài liệu chứng minh kèm theo.

## **III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC PCTN CỦA ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ**

Đánh giá chung về kết quả công tác PCTN trong năm; về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm trước; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN.

Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới ở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

ĐƠN VỊ .....

Phụ lục I  
**TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2022**

| NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                                       | Thang điểm | Điểm tự đánh giá | Ghi chú                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------|
| <b>TỔNG ĐIỂM CÁC PHẦN (A) + (B) + (C) + (D)</b>                                                                                                                                                                                                  | <b>100</b> |                  |                          |
| <b>A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>                                                                                                                                                            | <b>25</b>  |                  |                          |
| <b>A.1 Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN</b>                                                                                                                                        | <b>5</b>   |                  |                          |
| A.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai                                                                                                                                                                                                               | 3          |                  |                          |
| A.1.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                                          | 2          |                  |                          |
| <b>A.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN</b>                                                                                                                                                          | <b>5</b>   |                  | Không áp dụng cho Nhóm 3 |
| A.2.1 Ban hành kế hoạch                                                                                                                                                                                                                          | 2          |                  |                          |
| A.2.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                                          | 3          |                  |                          |
| <b>A.3 Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.</b>                                                                                                                                                                | <b>5</b>   |                  |                          |
| A.3.1 Ban hành kế hoạch                                                                                                                                                                                                                          | 2          |                  |                          |
| A.3.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                                          | 3          |                  |                          |
| <b>A.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN</b>                                                                                                                                                         | <b>5</b>   |                  |                          |
| A.4.1 Ban hành kế hoạch                                                                                                                                                                                                                          | 2          |                  |                          |
| A.4.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                                          | 3          |                  |                          |
| <b>A.5 Việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng</b> | <b>3</b>   |                  |                          |
| A.5.1 Việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị                                                                                                                                                                             | 2          |                  |                          |
| A.5.2 Việc chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng                                                                   | 1          |                  |                          |
| <b>A.6 Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về phòng, chống tham nhũng theo quy định tại Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 25/6/2021</b>                                                                                                             | <b>2</b>   |                  |                          |
| <b>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHƯNG</b>                                                                                                                                                                   | <b>40</b>  |                  |                          |
| <b>B.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018</b>                                                                                                                                                  | <b>5</b>   |                  |                          |
| B.1.1 Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động                                                                                                    | 1          |                  |                          |
| B.1.2 Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác                                                                                                                               | 1          |                  |                          |
| B.1.3 Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                                                                                                                       | 1          |                  |                          |
| B.1.4 Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc các trường hợp nêu trên mà theo quy định của pháp luật chuyên ngành phải công khai, minh bạch                                                                                 | 1          |                  |                          |
| B.1.5 Thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                         | 1          |                  | Không áp dụng cho Nhóm 3 |
| <b>B.2 Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn</b>                                                                                                                                                                                        | <b>4</b>   |                  |                          |
| B.2.1 Việc ban hành kế hoạch                                                                                                                                                                                                                     | 2          |                  |                          |
| B.2.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                                          | 2          |                  |                          |
| <b>B.3 Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</b>                                                                                                                                                                      | <b>5</b>   |                  |                          |
| B.3.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                                                                                                  | 2          |                  |                          |
| B.3.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                                          | 3          |                  |                          |
| <b>B.4 Kết quả thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà</b>                                                                                                                                                                                    | <b>2</b>   |                  |                          |
| <b>B.5 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích</b>                                                                                                                                                                                                    | <b>5</b>   |                  |                          |

|                                                                                                                                                                                                                         |           |  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|--------------------------|
| B.5.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                                                                         | 1         |  |                          |
| B.5.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                 | 2         |  |                          |
| B.5.3 Kết quả giải quyết xung đột lợi ích                                                                                                                                                                               | 2         |  |                          |
| B.6 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức                                                                                                                                            | 5         |  |                          |
| B.6.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                                                                         | 2         |  |                          |
| B.6.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                 | 3         |  |                          |
| B.7 Kết quả thực hiện cải cách hành chính                                                                                                                                                                               | 2         |  | Không áp dụng cho Nhóm 3 |
| B.8 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)                                                                                                                                                                          | 6         |  |                          |
| B.8.1 Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN                                                                                                                                                             | 2         |  |                          |
| B.8.2 Kết quả kê khai, công khai TSTN                                                                                                                                                                                   | 2         |  |                          |
| B.8.3 Việc bàn giao các bản kê khai TSTN thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra thành phố                                                                                                                             | 2         |  |                          |
| B.9 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10) | 6         |  |                          |
| B.9.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                                                                         | 2         |  |                          |
| B.9.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp                                                                                                                                             | 2         |  |                          |
| B.9.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10                                                                                                                                                                                  | 2         |  |                          |
| <b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>                                                                                                                                                          | <b>30</b> |  |                          |
| <b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>                                                                                                                                                                            | <b>12</b> |  |                          |
| C.1.1 Công tác kiểm tra và tự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan, đơn vị, tổ chức                                                                                                                                      | 4         |  |                          |
| C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra và tự kiểm tra, thanh tra                                                                                                                                       | 4         |  |                          |
| C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo                                                                                                                                                         | 4         |  |                          |
| <b>C.2 Việc xử lý tham nhũng</b>                                                                                                                                                                                        | <b>10</b> |  |                          |
| C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng                                                                                                                                            | 4         |  |                          |
| C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng                                                                                                                       | 2         |  |                          |
| C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng                                                                                                                                          | 2         |  |                          |
| C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng                                                                                                                                                                 | 3         |  |                          |
| C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra                                                                                                                                                                                      | 1         |  |                          |
| C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố                                                                                                                                                                                       | 1         |  |                          |
| C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử                                                                                                                                                                                        | 1         |  |                          |
| C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng                                                                        | 3         |  |                          |
| C.2.3.1 Hình thức khiển trách                                                                                                                                                                                           | 1         |  |                          |
| C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo                                                                                                                                                                                              | 1         |  |                          |
| C.2.3.3 Hình thức cách chức                                                                                                                                                                                             | 1         |  |                          |
| <b>C.3 Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN</b>                                                                                                                                                | <b>8</b>  |  |                          |
| C.3.1 Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 81 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                        | 1         |  |                          |
| C.3.2 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                                                                | 1         |  |                          |
| C.3.3 Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                           | 1         |  |                          |
| C.3.4 Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                                                                            | 1         |  |                          |

|                                                                                                                                                            |          |  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|
| C.3.5 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác                                                                                         | 1        |  |  |
| C.3.6 Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                   | 1        |  |  |
| C.3.7 Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP) | 2        |  |  |
| <b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG</b>                                                                                                | <b>5</b> |  |  |
| <b>D.1 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh</b>                            | <b>3</b> |  |  |
| D.1.1 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra                                                                  | 2        |  |  |
| D.1.2 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh                                                                | 1        |  |  |
| <b>D.2 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án</b>                                                    | <b>2</b> |  |  |
| D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử                                                                     | 1        |  |  |
| D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án                                                                                   | 1        |  |  |

Người lập

....., ngày.....tháng.....năm

Thủ trưởng đơn vị

ĐƠN VỊ:.....

**Phụ lục II**  
**PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG NĂM 2022**

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                              | Điểm       | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                                            | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>TỔNG ĐIỂM CÁC PHẦN (A) + (B) + (C) + (D)</b>                                                    | <b>100</b> |                                                                                                           |                                                                                                                       |
| <b>A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>              | <b>25</b>  |                                                                                                           |                                                                                                                       |
| A.1 Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN | 5          |                                                                                                           |                                                                                                                       |
| A.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai                                                                 | 3          | Có văn bản triển khai : 2 điểm;<br>Nội dung kế hoạch có kiểm tra, đánh giá việc thực hiện KH PCTN: 1 điểm | Liệt kê các kế hoạch, văn bản đã ban hành về xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN                      |
| A.1.2 Kết quả thực hiện                                                                            | 2          | Có báo cáo kết quả thực hiện : 2 điểm                                                                     | Liệt kê các báo cáo kết quả thực hiện xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN                             |
| A.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN                   | 5          |                                                                                                           | Không áp dụng tính điểm đối với Nhóm 3                                                                                |
| A.2.1 Ban hành kế hoạch                                                                            | 2          | Có văn bản triển khai : 2 điểm                                                                            | Liệt kê các kế hoạch, văn bản đã ban hành về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN       |
| A.2.2 Kết quả thực hiện                                                                            | 3          | Có báo cáo kết quả thực hiện : 3 điểm                                                                     | Liệt kê các báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN              |
| <b>A.3 Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.</b>                  | <b>5</b>   |                                                                                                           |                                                                                                                       |
| A.3.1 Ban hành kế hoạch                                                                            | 2          | Có văn bản triển khai : 2 điểm                                                                            | Liệt kê các kế hoạch, văn bản đã ban hành về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN              |
| A.3.2 Kết quả thực hiện                                                                            | 3          | Có báo cáo kết quả thực hiện : 3 điểm                                                                     | Liệt kê báo cáo kết quả thực hiện về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN                      |
| <b>A.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN</b>           | <b>5</b>   |                                                                                                           |                                                                                                                       |
| A.4.1 Ban hành kế hoạch                                                                            | 2          | Có văn bản triển khai : 2 điểm                                                                            | Liệt kê các kế hoạch, văn bản đã ban hành về kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN           |
| A.4.2 Kết quả thực hiện                                                                            | 3          | Có báo cáo kết quả thực hiện : 3 điểm                                                                     | Liệt kê báo cáo kết quả thực hiện về kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN                   |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                                     | Điểm | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A.5 Việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng | 3    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| A.5.1 Việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị                                                                                                                                                                      | 2    | Người đứng đầu các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố tiếp công dân tối thiểu mỗi tháng 1 lần, mỗi lần đạt 0,167 điểm;<br>Chủ tịch UBND Quận, huyện tiếp công dân tối thiểu mỗi tháng 02 lần, mỗi lần đạt 0,083 điểm.                                                       | Liệt kê các Văn bản:<br>- Biên bản tiếp dân của Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;<br>- Văn bản của Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị giải quyết, xử lý các phản ánh sau khi tiếp dân.<br>- Trường hợp đơn vị có thực hiện tiếp dân nhưng không có dân đăng ký được tiếp thì cần có các tài liệu chứng minh sau:<br>+ Lịch tiếp công dân được công khai;<br>+ Lịch công tác tuần của lãnh đạo đơn vị có nội dung tiếp công dân theo lịch (đối với các thời điểm không có dân đăng ký tiếp) |
| A.5.2 Việc chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng                                                            | 1    | (Số vụ việc được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có văn bản chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng/ Tổng số các vụ việc công dân kiến nghị với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị) =...                     | - Liệt kê các Văn bản của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng:.....<br>- Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng:....<br>- Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng:....                                                                                                        |
| A.6 Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về phòng, chống tham nhũng theo quy định tại Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 25/6/2021                                                                                                             | 2    | - Đầy đủ và đúng thời hạn: 01 điểm;<br>+ Đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu: 01 điểm<br>(bao gồm cả báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất)<br>- Các đơn vị thiếu 01 báo cáo trừ 0,35 điểm; trễ hạn 01 báo cáo trừ 0,17 điểm; không báo cáo theo mẫu yêu cầu: 01 báo cáo trừ 0,17 điểm. | Liệt kê các báo cáo thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 25/6/2021, cụ thể:<br>+ Quý I: ngày 10/3/2022;<br>+ Quý II và 6 tháng : ngày 11/6/2022;<br>+ Quý III và 9 tháng : ngày 12/9/2022;<br>+ Quý IV và năm : ngày 10/12/2022;<br>+ BC phục vụ kỳ họp thứ 2 của Quốc hội: ngày 03/8/2022;<br>+ BC phục vụ kì họp HĐND: ngày 31/10/2022.                                                                                                                                       |
| B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHƯNG                                                                                                                                                                   | 40   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                            | Điểm     | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                       | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>B.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018</b>                                                                   | <b>5</b> | <b>Công khai đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN 2018: 5,0 điểm</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| B.1.1 Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động                    | 1        |                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương công khai trên trang thông tin điện tử thì cung cấp đường link để kiểm tra nội dung công khai.</li> <li>- Trường hợp các cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện công khai tại cuộc họp, niêm yết hoặc gửi văn bản có nội dung cần công khai đến đối tượng được công khai theo quy định thì phải cung cấp biên bản công khai, hình ảnh niêm yết, hình ảnh công khai.</li> <li>- Nếu các cơ quan, địa phương, đơn vị không cung cấp tài liệu chứng minh việc công khai coi như không có điểm tại mục này.</li> </ul> |
| B.1.2 Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác                                               | 1        |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| B.1.3 Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                                       | 1        |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| B.1.4 Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc các trường hợp nêu trên mà theo quy định của pháp luật chuyên ngành phải công khai, minh bạch | 1        |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| B.1.5 Thủ tục hành chính                                                                                                                                         | 1        |                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không áp dụng điểm cho các ĐVSN thuộc UBND thành phố, Quỹ đầu tư phát triển;</li> <li>- Đối với Văn phòng, UBND thành phố và Thanh tra thành phố được trọn 1 điểm tại chỉ tiêu này do đây là 02 đơn vị đặc thù không có bộ TTHC.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>B.2 Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn</b>                                                                                                        | <b>4</b> |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| B.2.1 Việc ban hành kế hoạch                                                                                                                                     | 2        | Có ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC của cơ quan, đơn vị: 02 điểm | Liệt kê các văn bản ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC của cơ quan, đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| B.2.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                          | 2        | Có tổ chức kiểm tra thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ: 02 điểm                  | Liệt kê các văn bản: Biên bản kiểm tra, Kết luận thanh tra/ kiểm tra, văn bản kiểm tra quyết toán...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>B.3 Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</b>                                                                                      | <b>5</b> |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| B.3.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                  | 2        | Có văn bản triển khai : 02 điểm                                                      | Liệt kê các văn bản triển khai thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| B.3.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                          | 3        | Có báo cáo kết quả thực hiện: 03 điểm                                                | Liệt kê các báo cáo kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>B.4 Kết quả thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà</b>                                                                                                    | <b>2</b> | Có văn bản triển khai : 02 điểm                                                      | Liệt kê các văn bản triển khai thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>B.5 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích</b>                                                                                                                    | <b>5</b> |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                   | Điểm | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                                                                                                                  | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022)                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B.5.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                                                                         | 1    | Có ban hành văn bản rà soát XDLI tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 điểm                                                                                                          | Liệt kê văn bản triển khai thực hiện rà soát XDLI                                                                                                                                                                                           |
| B.5.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                 | 2    | Có tổ chức thực hiện rà soát XDLI tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: 02 điểm                                                                                                         | Liệt kê Báo cáo kết quả rà soát;                                                                                                                                                                                                            |
| B.5.3 Kết quả giải quyết XDLI                                                                                                                                                                                           | 2    | - Giải quyết một vụ: Được tính 0,5 điểm<br>- Giải quyết hai vụ: Được tính 1,0 điểm<br>- Giải quyết ba vụ: Được tính 1,5 điểm<br>- Giải quyết bốn vụ trở lên: Được tính 2,0 điểm | Liệt kê: Quyết định xử lý, giải quyết XDLI                                                                                                                                                                                                  |
| B.6 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức                                                                                                                                            | 5    |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                             |
| B.6.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                                                                         | 2    | Có văn bản triển khai thực hiện: 02 điểm                                                                                                                                        | Liệt kê văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác                                                                                                                                                                   |
| B.6.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                 | 3    | Có thực hiện việc chuyển đổi theo kế hoạch: 02 điểm;<br>Có báo cáo kết quả thực hiện: 01 điểm                                                                                   | Liệt kê kế hoạch chuyển đổi vị trí, báo cáo kết quả thực hiện.                                                                                                                                                                              |
| B.7 Kết quả thực hiện cải cách hành chính                                                                                                                                                                               | 2    | Điểm số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị năm đánh giá do UBND thành phố xếp hạng công bố x 2/100%                                                                        | - Không áp dụng điểm cho các ĐVSN thuộc UBND thành phố, Quỹ đầu tư phát triển;<br>- Sử dụng điểm số CCHC theo Báo cáo của Sở Nội vụ về kết quả đánh giá, xếp hạng công tác CCHC hằng năm của cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng |
| B.8 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)                                                                                                                                                                          | 6    |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                             |
| B.8.1 Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.                                                                                                                                                            | 2    | Có kế hoạch triển khai thực hiện: 02 điểm                                                                                                                                       | Liệt kê kế hoạch triển khai thực hiện kê khai, công khai TSTN năm .....                                                                                                                                                                     |
| B.8.2 Kết quả kê khai, công khai TSTN                                                                                                                                                                                   | 2    | Hoàn thành việc kê khai, công khai theo đúng quy định: 02 điểm                                                                                                                  | Liệt kê Kế hoạch triển khai kê khai, công khai TSTN hằng năm; báo cáo kết quả thực hiện KKTSTN năm.....; biên bản công khai                                                                                                                 |
| B.8.3 Việc bàn giao các bản kê khai TSTN thuộc quyền kiểm soát của Thanh tra thành phố                                                                                                                                  | 2    | Hoàn thành việc bàn giao đúng thời hạn quy định: 02 điểm;<br>Trễ hạn so với thời gian quy định: 0 điểm                                                                          | Biên bản bàn giao các bản kê khai TSTN giữa cơ quan, đơn vị, tổ chức với Thanh tra thành phố                                                                                                                                                |
| B.9 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10) | 6    |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                             |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                               | Điểm      | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022)                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B.9.1 Việc triển khai thực hiện                                                     | 2         | Có văn bản triển khai thực hiện: 02 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Liệt kê văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| B.9.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp         | 2         | (Số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã được xử lý/ Tổng số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã tiếp nhận) x 2 = .....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                                                                                                                                            | Liệt kê cụ thể: số kiến nghị của người dân, DN được xử lý; Tổng số kiến nghị đã tiếp nhận qua đường bưu điện, qua công tác tiếp dân, qua tổng đài 1022 và Cổng góp ý;                                                                                                                                                                                                                             |
| B.9.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10                                              | 2         | (Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm) x 2 = .....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Liệt kê số người bị xử lý, số người vi phạm (họ tên, bộ phận công tác, quyết định xử lý)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>                      | <b>30</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>                                        | <b>12</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| C.1.1 Công tác kiểm tra và tự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; | 4         | - Có tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình hoặc tự kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý: 02 điểm. Đối với các cơ quan, đơn vị không có bộ phận thanh tra, điểm được tính là: 04 điểm;<br>- Có tổ chức thanh tra theo kế hoạch được phê duyệt: 02 điểm; | Liệt kê: văn bản triển khai kiểm tra; Biên bản kiểm tra, BC, Kết luận kết quả tự kiểm tra, kiểm tra; Kế hoạch thanh tra; Quyết định thanh tra; Báo cáo kết quả thanh tra                                                                                                                                                                                                                          |
| C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, tự kiểm tra và thanh tra   | 4         | ((Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc tự kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc tự kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện)) x 4: 3=.....                                                                                                        | - Liệt kê Báo cáo kiểm tra, tự kiểm tra; Kết luận thanh tra; và chuyển cơ quan điều tra;<br>- Liệt kê cụ thể các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng:....<br>- Liệt kê cụ thể các cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng:.....<br>- Liệt kê cụ thể các cuộc tự kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng:....<br>- Báo cáo kết quả kiểm tra, tự kiểm tra.<br>- Báo cáo kết quả thanh tra. |
| C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo                     | 4         | ((Số tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/ Tổng số tin phản ánh tiếp nhận trong năm) + (Số đơn tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/ Tổng số đơn tố cáo tiếp nhận trong năm)) x 4                                                                                                                                                                                        | - Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm ...<br>- Liệt kê cụ thể các tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN.<br>- Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN.                                                                                                                                                              |
| <b>C.2 Việc xử lý tham nhũng</b>                                                    | <b>10</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                            | Điểm | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                                                                                                                                                                               | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do đề xảy ra tham nhũng                                                                     | 4    |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do đề xảy ra tham nhũng                                                | 2    | (Số tổ chức đã xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính do đề xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức bị phát hiện hành vi tham nhũng) x 2                                                                                                       | - Liệt kê danh sách các tổ chức đã xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính do đề xảy ra tham nhũng.<br>- Liệt kê danh sách tổ chức đề xảy ra tham nhũng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng                                                                   | 2    | (Số người có hành vi tham nhũng đã xử lý kỷ luật hành chính/ Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện) x 2                                                                                                                           | - Liệt kê danh sách người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính.<br>- Liệt kê Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng                                                                                          | 3    |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra                                                                                                               | 1    | (Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi TN/ Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan TN mà do cơ quan, đơn vị, tổ chức phát hiện dấu hiệu tham nhũng chuyển cơ quan điều tra)                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố                                                                                                                | 1    | (Số người do Viện KS truy tố về hành vi TN/ Tổng số người có hành vi TN bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi TN trong các vụ án liên quan TN mà do cơ quan, đơn vị, tổ chức phát hiện dấu hiệu tham nhũng chuyển cơ quan điều tra) | Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện trong năm đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử                                                                                                                 | 1    | (Số người do Tòa án kết án tội phạm TN/ Tổng số người do Viện KS truy tố về hành vi TN trong các vụ án liên quan TN mà do cơ quan, đơn vị, tổ chức phát hiện dấu hiệu tham nhũng chuyển cơ quan điều tra)                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng | 3    |                                                                                                                                                                                                                                              | Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, báo cáo chính thức của cơ quan hoặc người có thẩm quyền về vụ việc, vụ án tham nhũng hoặc từ ngày bản án về tham nhũng có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật hoặc báo cáo để cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng. |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Điểm     | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                                                                                                                                                                     | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022)                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| C.2.3.1 Hình thức khiển trách<br>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)                                                                                     | 1        | Có trường hợp Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 điểm<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.                           | - Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị...<br>- Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng:...                        |
| C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo<br>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)                                                                                                                                                                   | 1        | Có trường hợp Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cảnh cáo để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 điểm<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.                                 | - Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị...<br>- Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng:...                              |
| C.2.3.3 Hình thức cách chức<br>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình) | 1        | Có trường hợp Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 điểm<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm. | - Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị....<br>- Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng:... |
| <b>C.3 Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>8</b> |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| C.3.1 Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 81 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1        | (Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = ....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                                                                                     | - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị.<br>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị.                            |
| C.3.2 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1        | (Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = ....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                                                                                     | - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.<br>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.                                                                                                                            |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                      | Điểm | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                                                                                                              | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022)                                                                                                                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| C.3.3 Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)              | 1    | (Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = ....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                              | - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.<br>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.   |
| C.3.4 Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                               | 1    | (Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = ....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                              | - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích.<br>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về xung đột lợi ích.                                                                                                     |
| C.3.5 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác                                                                                         | 1    | (Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = ....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                              | - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.<br>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.                                                                                 |
| C.3.6 Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                   | 1    | (Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = ....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                              | - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng.<br>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng.                                             |
| C.3.7 Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP) | 2    | (Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = ....<br>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm                                                                              | - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN.<br>- Liệt kê danh sách tổng số người có hành vi vi phạm về kê khai TSTN và hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN. |
| <b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG</b>                                                                                                | 5    |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>D.1 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh</b>                            | 3    |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| D.1.1 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra                                                                  | 2    | (Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra) x 2 = ....  | - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra theo từng vụ việc:.....<br>- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra:.....                                                     |
| D.1.2 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh                                                                | 1    | (Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh / Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) = .... | - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc:.....<br>- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:.....                                                 |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                            | Điểm | CÁCH TÍNH ĐIỂM                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022)                                                                             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| D.2 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án | 2    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                   |
| D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử           | 1    | (Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án do các cơ quan, đơn vị, địa phương thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh chuyển cho cơ quan điều tra) =.... | - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử theo từng vụ việc:.....<br>- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử:..... |
| D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án                         | 1    | (Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo bản án đối với các vụ án do các cơ quan, đơn vị, địa phương thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh chuyển cho cơ quan điều tra) =....                                       | - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác theo từng vụ việc:.....<br>- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng tham nhũng phải thu hồi theo từng bản án:.....                                   |

Người lập

....., ngày.....tháng.....năm

Thủ trưởng đơn vị

ĐƠN VỊ:.....

Phụ lục III

DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU CHỨNG MINH PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2022

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                              | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản chứng minh<br>theo các mục tương ứng bên cột trái) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TỔNG ĐIỂM CÁC PHẦN (A) + (B) + (C) + (D)                                                           |                                                                                                                                             |
| A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN                     |                                                                                                                                             |
| A.1 Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN |                                                                                                                                             |
| A.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai                                                                 |                                                                                                                                             |
| A.1.2 Kết quả thực hiện                                                                            |                                                                                                                                             |
| A.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN                   |                                                                                                                                             |
| A.2.1 Ban hành kế hoạch                                                                            |                                                                                                                                             |
| A.2.2 Kết quả thực hiện                                                                            |                                                                                                                                             |
| A.3 Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.                         |                                                                                                                                             |
| A.3.1 Ban hành kế hoạch                                                                            |                                                                                                                                             |
| A.3.2 Kết quả thực hiện                                                                            |                                                                                                                                             |
| A.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN                  |                                                                                                                                             |
| A.4.1 Ban hành kế hoạch                                                                            |                                                                                                                                             |
| A.4.2 Kết quả thực hiện                                                                            |                                                                                                                                             |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                                     | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản chứng minh theo các mục tương ứng bên cột trái) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A.5 Việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng |                                                                                                                                          |
| A.5.1 Việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |
| A.5.2 Việc chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng                                                            |                                                                                                                                          |
| A.6 Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về phòng, chống tham nhũng theo quy định tại Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 25/6/2021                                                                                                             |                                                                                                                                          |
| <b>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHƯNG</b>                                                                                                                                                            |                                                                                                                                          |
| B.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018                                                                                                                                                   |                                                                                                                                          |
| B.1.1 Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động                                                                                             |                                                                                                                                          |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                            | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản chứng minh theo các mục tương ứng bên cột trái) |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B.1.2 Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác                                               |                                                                                                                                          |
| B.1.3 Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                                       |                                                                                                                                          |
| B.1.4 Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc các trường hợp nêu trên mà theo quy định của pháp luật chuyên ngành phải công khai, minh bạch |                                                                                                                                          |
| B.1.5 Thủ tục hành chính                                                                                                                                         |                                                                                                                                          |
| <b>B.2 Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn</b>                                                                                                        |                                                                                                                                          |
| B.2.1 Việc ban hành kế hoạch                                                                                                                                     |                                                                                                                                          |
| B.2.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                          |                                                                                                                                          |
| <b>B.3 Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</b>                                                                                      |                                                                                                                                          |
| B.3.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                  |                                                                                                                                          |
| B.3.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                          |                                                                                                                                          |
| <b>B.4 Kết quả thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà</b>                                                                                                    |                                                                                                                                          |
| <b>B.5 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích</b>                                                                                                                    |                                                                                                                                          |
| B.5.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                  |                                                                                                                                          |
| B.5.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                          |                                                                                                                                          |
| B.5.3 Kết quả giải quyết XĐLI                                                                                                                                    |                                                                                                                                          |
| <b>B.6 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</b>                                                                              |                                                                                                                                          |

| TÊN TIÊU CHỈ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                   | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản chứng minh theo các mục tương ứng bên cột trái) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B.6.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                          |
| B.6.2 Kết quả thực hiện                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                          |
| <b>B.7 Kết quả thực hiện cải cách hành chính</b>                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                          |
| <b>B.8 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)</b>                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                          |
| B.8.1 Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.                                                                                                                                                            |                                                                                                                                          |
| B.8.2 Kết quả kê khai, công khai TSTN                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                          |
| B.8.3 Việc bàn giao các bản kê khai TSTN thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra thành phố                                                                                                                             |                                                                                                                                          |
| B.9 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10) |                                                                                                                                          |
| B.9.1 Việc triển khai thực hiện                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                          |
| B.9.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp                                                                                                                                             |                                                                                                                                          |
| B.9.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                          |
| <b>C. TIÊU CHỈ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>                                                                                                                                                          |                                                                                                                                          |
| <b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                          |
| C.1.1 Công tác kiểm tra và tự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan, đơn vị, tổ chức;                                                                                                                                     |                                                                                                                                          |
| C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, tự kiểm tra và thanh tra                                                                                                                                       |                                                                                                                                          |
| C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo                                                                                                                                                         |                                                                                                                                          |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản chứng minh theo các mục tương ứng bên cột trái) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>C.2 Việc xử lý tham nhũng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                          |
| C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                          |
| C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                          |
| C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                          |
| C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                          |
| C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                          |
| C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                          |
| C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                          |
| C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                          |
| C.2.3.1 Hình thức khiển trách<br>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm) |                                                                                                                                          |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản chứng minh theo các mục tương ứng bên cột trái) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo</p> <p>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)</p>                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                          |
| <p>C.2.3.3 Hình thức cách chức</p> <p>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)</p> |                                                                                                                                          |
| <p><b>C.3 Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                          |
| <p>C.3.1 Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 81 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                          |
| <p>C.3.2 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                          |

| TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                      | TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG<br>(Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản chứng minh<br>theo các mục tương ứng bên cột trái) |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| C.3.3 Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)              |                                                                                                                                             |
| C.3.4 Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                                               |                                                                                                                                             |
| C.3.5 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác                                                                                         |                                                                                                                                             |
| C.3.6 Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)                                   |                                                                                                                                             |
| C.3.7 Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP) |                                                                                                                                             |
| <b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG</b>                                                                                                |                                                                                                                                             |
| <b>D.1 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh</b>                            |                                                                                                                                             |
| <b>D.1.1 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra</b>                                                           |                                                                                                                                             |

| <b>TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                     | <b>TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG</b><br>(Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản chứng minh<br>theo các mục tương ứng bên cột trái) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| D.1.2 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh      |                                                                                                                                                    |
| D.2 Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án |                                                                                                                                                    |
| D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử           |                                                                                                                                                    |
| D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án                         |                                                                                                                                                    |

Người lập

....., ngày.....tháng.....năm

Thủ trưởng đơn vị